

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1176~~/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày ~~23~~ tháng ~~12~~ năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị
danh lam thắng cảnh Hồ Ba Bể, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Theo đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh Hồ Ba Bể, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, với những nội dung sau:

1. Phạm vi, quy mô và ranh giới nghiên cứu, lập quy hoạch

a) Phạm vi, quy mô lập quy hoạch có diện tích là 10.080 ha thuộc xã Nam Mẫu và các xã liên quan, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, bao gồm:

- Toàn bộ diện tích khu vực bảo vệ danh lam thắng cảnh Hồ Ba Bể, gồm: Khu vực bảo vệ I (diện tích mặt nước hồ Ba Bể, các yếu tố cảnh quan sinh thái xung quanh hồ và các điểm danh lam thắng cảnh liên quan nằm trong Vườn quốc gia Ba Bể), diện tích là 952,75 ha và Khu vực bảo vệ II (vùng bao quanh, tiếp giáp với khu vực bảo vệ I), diện tích là 9.095,25 ha (theo Quyết định số 1419/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ).

- Nghiên cứu, bổ sung một số di tích hang động liên quan tại xã Quảng Khê, Khu điều hành Vườn quốc gia và cảnh quan thiên nhiên, các bản làng xung quanh có ảnh hưởng trực tiếp đến di tích (diện tích khoảng 32 ha) vào khu vực bảo vệ di tích để tổ chức giao thông, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các công trình phụ trợ, khu chức năng phục vụ quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích

b) Ranh giới lập quy hoạch: Phía Đông giáp xã Khang Ninh, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn; phía Tây giáp xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; phía Nam giáp xã Quảng Khê, Hoàng Trĩ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn; phía Bắc giáp xã Cao Thượng, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng nghiên cứu lập quy hoạch

a) Giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của danh lam thắng cảnh Hồ Ba Bể và các khu vực cảnh quan có liên quan. Hệ sinh thái động, thực vật trong khu vực bảo tồn, các giá trị kiến tạo địa chất khu vực.

b) Các giá trị văn hóa phi vật thể của cộng đồng các dân tộc sống trong khu vực, gồm: lễ hội truyền thống, sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thuyết dân gian.

c) Các yếu tố về thiên nhiên, khí hậu, môi trường, xã hội, hạ tầng kỹ thuật của khu vực lập quy hoạch; các thể chế và chính sách có liên quan.

d) Vai trò của di tích trong mối liên hệ vùng.

3. Mục tiêu lập quy hoạch

a) Bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ của danh lam thắng cảnh Hồ Ba Bể; bảo vệ tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, địa chất, địa mạo và di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc trong khu vực di tích.

b) Phát huy giá trị danh lam thắng cảnh Hồ Ba Bể trở thành điểm du lịch hấp dẫn của tỉnh Bắc Kạn, vùng Việt Bắc và cả nước; kết nối với các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh khác tại địa phương, hình thành chuỗi sản phẩm du lịch, kết hợp phòng hộ, bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Xác định ranh giới bảo vệ di tích làm cơ sở pháp lý để quản lý di tích, xác định các khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và bố trí hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

d) Làm cơ sở pháp lý cho công tác lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai các dự án thành phần về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích theo quy hoạch được phê duyệt. Xây dựng quy định quản lý, kiểm soát không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan khu vực di tích và các giải pháp quản lý, bảo vệ di tích theo quy hoạch.



4. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch

a) Xác định yêu cầu nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng di tích

- Nghiên cứu, khảo sát di tích:

+ Khảo sát, điều tra, sưu tầm tài liệu, tổng hợp các dữ liệu, số liệu về di tích; chụp ảnh, vẽ ghi, phân tích đánh giá kiến trúc công trình; khảo sát không ảnh, thành lập mô hình số 3D; khảo sát đo đạc địa hình tỷ lệ 1/2000 (các khu vực dân cư, dự kiến các khu chức năng) và tỷ lệ 1/500 (các khu vực bảo vệ di tích, các khu vực ảnh hưởng trực tiếp tới cảnh quan di tích và các khu vực dự kiến bố trí các chức năng phát huy giá trị di tích).

+ Đánh giá đa dạng hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học của hệ thực vật và động vật; địa chất, cảnh quan thiên nhiên.

+ Khảo sát, đánh giá hệ thống các di tích khảo cổ, lịch sử - văn hóa trong phạm vi quy hoạch.

+ Khảo sát, đánh giá điều kiện môi trường, khí hậu và thủy văn của khu vực; đánh giá các nguy cơ môi trường, khí hậu, hệ sinh thái tác động tới giá trị di tích; những khu vực có giá trị đặc biệt, khu vực quan trọng, khu vực dễ bị tổn thương.

+ Khảo sát, đánh giá điều kiện kinh tế - xã hội của khu vực quy hoạch.

+ Khảo sát, đánh giá hiện trạng xây dựng và hạ tầng kỹ thuật; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng đô thị, kiến trúc và cảnh quan.

+ Nghiên cứu về cộng đồng các dân tộc sống trong khu vực di tích: Phong tục, tập quán, các giá trị văn hóa phi vật thể; các vấn đề về tiếp cận dịch vụ xã hội và sinh kế của người dân.

+ Thực trạng bảo tồn và quản lý di tích: Cơ chế và chính sách quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích; nguồn nhân lực bảo vệ và quản lý di tích; sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

+ Đánh giá thực trạng phát triển du lịch: Cơ cấu và lượng khách du lịch; các sản phẩm và dịch vụ du lịch; cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch; doanh thu từ hoạt động du lịch trong khu vực.

+ Đánh giá hiệu quả của hoạt động đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị di tích, rà soát các quy hoạch, dự án đang triển khai có tác động đến việc thực hiện quy hoạch, việc kế thừa, điều chỉnh các quy hoạch đã có trong phạm vi di tích.

+ Hệ thống các văn bản, tổ chức và hoạt động quốc tế ảnh hưởng tới công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

b) Đánh giá mối liên hệ vùng, bao gồm: Mối liên kết với hệ thống đô thị và điểm dân cư trên địa bàn; vị trí, vai trò của di tích đối với phát triển du lịch nói riêng và kinh tế - xã hội của địa phương nói chung.

c) Xác định đặc trưng, nhận diện yếu tố cấu thành, cấu trúc không gian cảnh quan và các giá trị tiêu biểu khác của di tích. Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích; những hạn chế đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích cần giải quyết trong Quy hoạch, các vấn đề trọng tâm cần ưu tiên.

d) Dự báo phát triển và xác định các chỉ tiêu kinh tế - xã hội khu vực quy hoạch, bao gồm:

- Dự báo tăng trưởng kinh tế - xã hội; dự báo về dân cư và sức ép lên tài nguyên thiên nhiên; dự báo về lượng khách, nhu cầu du lịch và các dịch vụ du lịch; dự báo về khí hậu, môi trường và thiên tai;

- Xác định các chỉ tiêu cơ bản về đất đai và hạ tầng kỹ thuật.

đ) Xác định quan điểm, nguyên tắc quy hoạch; xác định tầm nhìn quy hoạch; mục tiêu dài hạn và ngắn hạn của quy hoạch.

e) Đề xuất định hướng lập quy hoạch

- Định hướng bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể; định hướng bảo tồn và phát triển tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, hệ động - thực vật, địa chất, địa mạo và phòng, chống ô nhiễm, suy thoái nguồn nước.

- Định hướng giải phóng mặt bằng, giải tỏa các vi phạm lấn chiếm và phương án tái định cư trong khu vực di tích phù hợp với đặc điểm tập quán văn hóa, sinh sống, sản xuất của người dân, đảm bảo sinh kế cho cộng đồng.

- Định hướng phân vùng chức năng, tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan; các khu vực cần bảo tồn, khu vực xây dựng mới, khu vực cần kiểm soát về độ cao, mật độ, xây dựng, hình thức kiến trúc và vật liệu xây dựng. Đề xuất giải pháp kết nối không gian giữa các khu chức năng; kết nối với các di tích, các điểm tham quan trong khu vực.

- Định hướng tổ chức giao thông trong khu vực; định hướng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (chuẩn bị kỹ thuật, cấp, thoát nước, cấp điện, vệ sinh môi trường, thông tin liên lạc...).

- Định hướng phát triển du lịch và dịch vụ:

+ Xác định các sản phẩm du lịch đặc thù; các khu vực tiềm năng, thế mạnh để đầu tư phát triển du lịch; định hướng tổ chức sự kiện, tuyến du lịch kết nối di tích với các địa danh du lịch khác của địa phương;

+ Đề xuất giải pháp kiểm soát và điều tiết lượng khách du lịch, bảo đảm phù hợp với sức chứa của di tích và các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương. Cụ thể hóa giải pháp triển khai các tuyến du lịch bảo đảm cân bằng giữa bảo tồn và phát triển du lịch;

+ Nghiên cứu xây dựng dữ liệu số liên quan đến di tích, tạo cơ sở khoa học để bảo tồn, quản lý di tích và phát triển, quảng bá các sản phẩm du lịch bằng nhiều hình thức.

g) Dự báo tác động môi trường, đánh giá nguy cơ về thiên tai, sự cố môi trường trên địa bàn; đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường và giải pháp quy hoạch bảo đảm hạn chế, không làm tăng nguy cơ về sự cố môi trường.

h) Kế hoạch thực hiện quy hoạch

- Thời kỳ và tầm nhìn của quy hoạch: Thời kỳ quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định yêu cầu, tiêu chí lựa chọn danh mục các dự án đầu tư, danh mục các nhóm dự án thành phần, bao gồm: nhóm dự án giải phóng mặt bằng và cắm mốc giới bảo vệ di tích; nhóm dự án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; nhóm dự án bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa của di tích, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng gắn với di tích; nhóm dự án bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng gắn với các hoạt động dân sinh kết hợp phát triển du lịch; nhóm dự án phát triển sản phẩm và xây dựng các công trình dịch vụ du lịch; nhóm dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Phân kỳ đầu tư, thứ tự ưu tiên và nguồn vốn đầu tư phù hợp với từng thời kỳ quy hoạch.

- Xác định danh mục dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, dự án sử dụng các nguồn huy động hợp pháp khác bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và ngân sách trung ương cho từng giai đoạn. Làm rõ cơ sở đề xuất vốn ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch.

- Đề xuất cơ chế, chính sách quản lý quy hoạch, giải pháp thực hiện quy hoạch, quy chế quản lý việc xây dựng các công trình trong khu vực quy hoạch, gồm: giải pháp về quản lý; giải pháp về huy động nguồn lực bảo vệ di tích; giải pháp tuyên truyền, huy động sự tham gia của cộng đồng; giải pháp phát triển nguồn nhân lực quản lý và bảo vệ di tích và các giải pháp khác.

5. Hồ sơ sản phẩm quy hoạch

a) Hình thức, quy cách thể hiện bản đồ, bản vẽ, thành phần hồ sơ sản phẩm quy hoạch bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan. Cụ thể:

- Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch; Tờ trình phê duyệt quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

- Hệ thống bản đồ, bản vẽ, bao gồm:

+ Bản đồ vị trí di tích và mối liên hệ với di tích khác trong khu vực, tỷ lệ 1:5.000 - 1:15.000;

+ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và bản đồ quy hoạch xây dựng các khu vực đã được phê duyệt, tỷ lệ 1/2000;

+ Bản đồ xác định khu vực bảo vệ và cấm mốc giới di tích; khu vực cần giải tỏa vi phạm di tích, tỷ lệ 1/2000;

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng; phương án quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và phát huy giá trị di tích, tỷ lệ 1/2000;

+ Các bản đồ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/2000.

Đối với các khu vực bảo vệ di tích, các khu vực ảnh hưởng trực tiếp tới cảnh quan di tích và các khu vực dự kiến bố trí các chức năng phát huy giá trị di tích, xây dựng bản đồ tỷ lệ 1/500.

+ Bản đồ định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, xây dựng công trình mới;

+ Các bản vẽ phối cảnh minh họa không gian quy hoạch di tích (nếu có).

- Bản chụp các văn bản liên quan, gồm: Ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan và cộng đồng tại khu vực lập quy hoạch; Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch; văn bản thẩm định đồ án Quy hoạch di tích và các văn bản khác có liên quan.

- Hồ sơ lưu trữ đồ án quy hoạch theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

b) Tổ chức thực hiện

- Tiến độ: Thời gian lập quy hoạch không quá 24 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ lập Quy hoạch được phê duyệt.

- Trách nhiệm:

+ Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ;

+ Cơ quan chủ trì thẩm định và trình phê duyệt: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

+ Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn;

+ Cơ quan chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể;

+ Tổ chức tư vấn lập quy hoạch: Được lựa chọn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch và các chi phí khác có liên quan đến công tác lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình duyệt đề án Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh Hồ Ba Bể, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Kạn;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, CN, NN, KTTH, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX (03). 12

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Đức Đam